

Số: 11 /QĐ-SKHĐT

Tây Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023**  
**của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 27/09/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 46/TB-STC ngày 12/01/2023 của Sở Tài chính về việc kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-SKHĐT ngày 13/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính TN;
- KBNN TN;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VPS.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đặng Đình Toàn**

**PHỤ LỤC**  
**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**

Đơn vị: **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

( Kèm theo Quyết định số **11** /QĐ-SKHĐT ngày **17/01/2023**)

Đơn vị tính: *đồng*

NỘI DUNG	TỔNG SỐ
<b>I. DỰ TOÁN THU, CHI VỀ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	<b>260.000.000</b>
<b>1. Số thu phí, lệ phí</b>	<b>260.000.000</b>
- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	100.000.000
- Phí công bố, cung cấp thông tin doanh nghiệp	160.000.000
<b>2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</b>	<b>112.000.000</b>
- Phí công bố, cung cấp thông tin doanh nghiệp (Nộp về Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh theo quy định)	112.000.000
<b>3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>148.000.000</b>
- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	100.000.000
- Phí công bố, cung cấp thông tin doanh nghiệp	48.000.000
<b>II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>7.812.000.000</b>
<b>1. Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)</b>	<b>6.412.000.000</b>
<b>a) Kinh phí thực hiện tự chủ. Bao gồm:</b>	<b>5.708.000.000</b>
- Chi quỹ lương (39 biên chế)	4.047.000.000
+ <i>Quỹ lương theo mức lương cơ sở 1.490.000</i>	4.047.000.000
- Chi hoạt động thường xuyên	1.102.000.000
- Kinh phí đặc thù cố định	108.000.000
- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động theo ND 68, 161/ND-CP	317.000.000
- Cải cách tiền lương	134.000.000
<b>b) Kinh phí không thực hiện tự chủ. Bao gồm:</b>	<b>704.000.000</b>
+ KP mua sắm sửa chữa	78.000.000
+ KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	35.000.000
+ KP cho CBCCC làm đầu mỗi KS thủ tục hành chính (5 người)	16.000.000
+ KP tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	8.000.000
+ KP soạn thảo văn bản QPPL	45.000.000
+ KP trang phục thanh tra	22.000.000
+ KP duy trì hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	10.000.000
+ KP tổ điều phối phát triển vùng kinh tế trọng điểm	27.000.000
+ KP chỉ hoạt động cho công tác thanh tra, kiểm tra	162.000.000
+ KP đối nội - đối ngoại	63.000.000
+ KP công tác chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ dữ liệu đăng ký DN	63.000.000
+ Chi phí phục vụ cho công tác thu phí, lệ phí	90.000.000
+ KP khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực nhỏ và vừa	14.000.000
+ KP BCĐ đổi mới phát triển KTTT, HTX tỉnh Tây Ninh	22.000.000
+ Cải cách tiền lương không khoán	49.000.000
<b>2. Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)</b>	<b>1.000.000.000</b>
- Kinh phí xúc tiến thương mại	1.000.000.000
<b>3. Sự nghiệp đào tạo (Loại 070, khoản 085)</b>	<b>400.000.000</b>
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	400.000.000